

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ**  
**NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH**

**Khóa thi: 15/6/2025 - Thời gian: 07 g 30**

| STT | SBD    | MSSV     | Họ                | Tên   | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh     | Trình độ | Phòng |
|-----|--------|----------|-------------------|-------|------------|-----------|--------------|----------|-------|
| 01  | A2-001 | 23631280 | Lê Thị Kiều       | An    | 13/10/2004 | Nữ        | Tiền Giang   | A2       | B302  |
| 02  | A2-002 | 23631289 | Lê Thị Vân        | Anh   | 24/10/2005 | Nữ        | Long An      | A2       | B302  |
| 03  | A2-003 | 23641446 | Trần Nhật Phương  | Anh   | 20/02/2005 | Nữ        | TP. HCM      | A2       | B302  |
| 04  | A2-004 | 23661052 | Đinh Nguyễn Anh   | Bằng  | 03/01/2005 | Nam       | TP. HCM      | A2       | B302  |
| 05  | A2-005 | 23641301 | Võ thiện          | Bảo   | 08/04/2004 | Nam       | Gia Lai      | A2       | B302  |
| 06  | A2-006 | 22641234 | Danh Ngọc         | Bích  | 22/02/2004 | Nữ        | TP. HCM      | A2       | B302  |
| 07  | A2-007 | 22631387 | Huỳnh Minh        | Châu  | 08/08/2004 | Nữ        | Đồng Tháp    | A2       | B302  |
| 08  | A2-008 | 23612116 | Võ Thị Kim        | Chi   | 15/01/2005 | Nữ        | Bình Định    | A2       | B302  |
| 09  | A2-009 | 23641512 | Bùi Quốc          | Cường | 22/07/1998 | Nam       | Ninh Thuận   | A2       | B302  |
| 10  | A2-010 | 20682022 | Phan Thị Bích     | Đào   | 27/01/2001 | Nữ        | à Rịa-Vũng T | A2       | B302  |
| 11  | A2-011 | 23611055 | Hoàng Thị         | Đạo   | 30/04/2005 | Nữ        | Đắk Nông     | A2       | B302  |
| 12  | A2-012 | 23631157 | Nguyễn Thị Hồng   | Đào   | 11/10/2005 | Nữ        | Long An      | A2       | B302  |
| 13  | A2-013 | 22641375 | Nguyễn Thành      | Đạt   | 30/06/2004 | Nam       | TP. HCM      | A2       | B302  |
| 14  | A2-014 | 23600154 | Vì Tuyết          | Diệu  | 26/05/2005 | Nữ        | Bình Phước   | A2       | B302  |
| 15  | A2-015 | 22641237 | Đỗ Thanh          | Dương | 18/09/2004 | Nam       | TP. HCM      | A2       | B302  |
| 16  | A2-016 | 22661035 | Phạm Khánh        | Duy   | 18/09/2004 | Nam       | Cà Mau       | A2       | B302  |
| 17  | A2-017 | 22631380 | Cao Mỹ            | Duyên | 21/10/2004 | Nữ        | TP. HCM      | A2       | B302  |
| 18  | A2-018 | 22631185 | Nguyễn Thị Kim    | Duyên | 16/12/2004 | Nữ        | Ninh Thuận   | A2       | B302  |
| 19  | A2-019 | 23611139 | Bùi Hồng          | Gấm   | 18/11/2004 | Nữ        | Long An      | A2       | B302  |
| 20  | A2-020 | 22631385 | Hà Phan Thanh     | Hà    | 21/02/2004 | Nữ        | TP. HCM      | A2       | B302  |
| 21  | A2-021 | 22631248 | Phạm Nguyễn Khánh | Hà    | 01/02/2004 | Nữ        | Quảng Ngãi   | A2       | B302  |
| 22  | A2-022 | 23641354 | Cao Diệp Như      | Hân   | 13/09/2005 | Nữ        | TP. HCM      | A2       | B302  |
| 23  | A2-023 | 22631261 | Nguyễn Ngọc Gia   | Hân   | 19/06/2004 | Nữ        | TP. HCM      | A2       | B302  |
| 24  | A2-024 | 23662046 | Nguyễn Công       | Hào   | 21/06/2005 | Nam       | TP. HCM      | A2       | B302  |
| 25  | A2-025 | 23635138 | Phạm Thị Ngọc     | Hậu   | 09/01/2005 | Nữ        | TP. HCM      | A2       | B302  |
| 26  | A2-026 | 22634018 | Đào Thu           | Hiền  | 10/01/2000 | Nữ        | Đắk Nông     | A2       | B302  |
| 27  | A2-027 | 23641299 | Nguyễn Thị Ngọc   | Hiền  | 22/01/2005 | Nữ        | Long An      | A2       | B302  |
| 28  | A2-028 | 22641231 | Nguyễn Thị Kim    | Hoa   | 14/09/2004 | Nữ        | TP. HCM      | A2       | B302  |
| 29  | A2-029 | 22631016 | Phan Hoàng Mỹ     | Hoa   | 27/09/2002 | Nữ        | Quảng Bình   | A2       | B302  |
| 30  | A2-030 | 23641256 | Nguyễn Thị Thanh  | Hương | 17/02/2003 | Nữ        | Lâm Đồng     | A2       | B302  |
| 31  | A2-031 | 23631276 | Nguyễn Thị Thu    | Hương | 14/10/2005 | Nữ        | Tiền Giang   | A2       | B302  |
| 32  | A2-032 | 23641102 | Phan Thị Diễm     | Hương | 06/07/2005 | Nữ        | Bến Tre      | A2       | B302  |

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.

Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ**  
**NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH**

**Khóa thi: 15/6/2025 - Thời gian: 07 g 30**

| STT | SBD    | MSSV     | Họ               | Tên    | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh      | Trình độ | Phòng |
|-----|--------|----------|------------------|--------|------------|-----------|---------------|----------|-------|
| 01  | A2-033 | 23600156 | Nguyễn Văn       | Khải   | 20/10/2005 | Nam       | Đắk Lắk       | A2       | B303  |
| 02  | A2-034 | 22681003 | Nguyễn Diệp      | Khoa   | 13/08/2002 | Nam       | TP. HCM       | A2       | B303  |
| 03  | A2-035 | 23641247 | Lại Huỳnh Lê     | Khôi   | 22/05/2004 | Nam       | TP. HCM       | A2       | B303  |
| 04  | A2-036 | 23611030 | Lê Thị Trường    | Khuyến | 10/04/2003 | Nữ        | Long An       | A2       | B303  |
| 05  | A2-037 | 23600151 | Phạm Trung       | Kiên   | 22/10/2005 | Nam       | Bình Thuận    | A2       | B303  |
| 06  | A2-038 | 21661008 | Nguyễn Tuấn      | Kiệt   | 26/10/2003 | Nam       | TP. HCM       | A2       | B303  |
| 07  | A2-039 | 23641114 | Trần Mỹ          | Kiều   | 11/10/2005 | Nữ        | Phú Yên       | A2       | B303  |
| 08  | A2-040 | 22661077 | Phạm Viết        | Lãm    | 23/03/2004 | Nam       | Quảng Ngãi    | A2       | B303  |
| 09  | A2-041 | 23611128 | Võ Ngọc Thanh    | Lan    | 21/10/2005 | Nữ        | TP. HCM       | A2       | B303  |
| 10  | A2-042 | 23611056 | Nguyễn Hồng      | Lập    | 02/10/2001 | Nam       | Bạc Liêu      | A2       | B303  |
| 11  | A2-043 | 23612046 | Lê Thị Huỳnh     | Luyến  | 12/03/2005 | Nữ        | Quảng Ngãi    | A2       | B303  |
| 12  | A2-044 | 22631558 | Phùng Thị Hồng   | Mai    | 24/08/2004 | Nữ        | Lâm Đồng      | A2       | B303  |
| 13  | A2-045 | 22641029 | Trần Xuân        | Mai    | 13/03/2001 | Nữ        | TP. HCM       | A2       | B303  |
| 14  | A2-046 | 23612100 | Võ Thị Huyền     | Mai    | 28/08/2005 | Nữ        | Long An       | A2       | B303  |
| 15  | A2-047 | 21641387 | Trần Minh        | Mẫn    | 18/11/2003 | Nam       | Bình Thuận    | A2       | B303  |
| 16  | A2-048 | 22631398 | Nguyễn Thị Ý     | Muội   | 03/07/2004 | Nữ        | Sóc Trăng     | A2       | B303  |
| 17  | A2-049 | 23611014 | Lê Phương        | Nam    | 04/10/1999 | Nam       | Hà Tĩnh       | A2       | B303  |
| 18  | A2-050 | 23641320 | Vương Yến        | Ngà    | 25/11/2005 | Nữ        | TP. HCM       | A2       | B303  |
| 19  | A2-051 | 23611041 | Đỗ Thị Kim       | Ngân   | 09/09/2005 | Nữ        | Long An       | A2       | B303  |
| 20  | A2-052 | 22641366 | Huỳnh Thị Kim    | Ngân   | 02/10/2004 | Nữ        | Bến Tre       | A2       | B303  |
| 21  | A2-053 | 22611129 | Nguyễn Thị Kim   | Ngân   | 17/12/2001 | Nữ        | TP. HCM       | A2       | B303  |
| 22  | A2-054 | 23611046 | Lê Minh          | Nghị   | 06/11/2005 | Nam       | Bến Tre       | A2       | B303  |
| 23  | A2-055 | 23600028 | Nguyễn Châu      | Ngọc   | 24/01/2004 | Nữ        | Đồng Nai      | A2       | B303  |
| 24  | A2-056 | 22661088 | Nguyễn Xuân      | Ngọc   | 26/09/2001 | Nam       | Đắk Lắk       | A2       | B303  |
| 25  | A2-057 | 22641075 | Phạm Lê Thị Hồng | Ngọc   | 02/02/2004 | Nữ        | Tây Ninh      | A2       | B303  |
| 26  | A2-058 | 22611040 | Trần Thị         | Ngọc   | 26/11/2004 | Nữ        | TP. HCM       | A2       | B303  |
| 27  | A2-059 | 23611037 | Nguyễn Thành     | Nhân   | 23/09/2004 | Nam       | TP. HCM       | A2       | B303  |
| 28  | A2-060 | 20682068 | Lê Thị Ái        | Nhi    | 21/01/2002 | Nữ        | hừa Thiên - H | A2       | B303  |
| 29  | A2-061 | 23611051 | Lê Thùy Yến      | Nhi    | 24/08/2005 | Nữ        | Ninh Thuận    | A2       | B303  |
| 30  | A2-062 | 22631253 | Nguyễn Thị Tuyết | Nhi    | 06/10/2003 | Nữ        | An Giang      | A2       | B303  |
| 31  | A2-063 | 23641076 | Phạm Thị Ý       | Nhi    | 17/08/2004 | Nữ        | Phú Yên       | A2       | B303  |
| 32  | A2-064 | 23641161 | Trần Thị Yến     | Nhi    | 05/02/2005 | Nữ        | Tiền Giang    | A2       | B303  |

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.

Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ**  
**NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH**

**Khóa thi: 15/6/2025 - Thời gian: 07 g 30**

| STT | SBD    | MSSV     | Họ                | Tên    | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh   | Trình độ | Phòng |
|-----|--------|----------|-------------------|--------|------------|-----------|------------|----------|-------|
| 01  | A2-065 | 20611175 | Nguyễn Hồng Thảo  | Như    | 29/12/2002 | Nữ        | Tây Ninh   | A2       | B304  |
| 02  | A2-066 | 23631112 | Nguyễn Huỳnh      | Như    | 26/12/2005 | Nữ        | Bến Tre    | A2       | B304  |
| 03  | A2-067 | 22634025 | Nguyễn Thị Tuyết  | Nhung  | 27/02/2004 | Nữ        | Long An    | A2       | B304  |
| 04  | A2-068 | 22631580 | Dương Kỳ          | Phong  | 01/10/2004 | Nam       | TP. HCM    | A2       | B304  |
| 05  | A2-069 | 20682046 | Lại Ngọc Thanh    | Phong  | 24/06/2002 | Nam       | TP. HCM    | A2       | B304  |
| 06  | A2-070 | 22611051 | Thái Thanh        | Phú    | 22/11/2004 | Nam       | Tây Ninh   | A2       | B304  |
| 07  | A2-071 | 22631454 | Đặng Hoàng        | Phúc   | 27/04/2004 | Nam       | TP. HCM    | A2       | B304  |
| 08  | A2-072 | 23600220 | Lâm Văn           | Phúc   | 06/03/2005 | Nam       | TP. HCM    | A2       | B304  |
| 09  | A2-073 | 23661035 | Nguyễn Hữu        | Phúc   | 17/11/2005 | Nam       | TP. HCM    | A2       | B304  |
| 10  | A2-074 | 23611013 | Cao Thị Mỹ        | Phụng  | 09/05/2004 | Nữ        | Bến Tre    | A2       | B304  |
| 11  | A2-075 | 23631258 | Trương Thị Thanh  | Phuong | 03/04/2005 | Nữ        | Gia Lai    | A2       | B304  |
| 12  | A2-076 | 23611031 | Phạm Nhật         | Quang  | 20/12/2004 | Nam       | TP. HCM    | A2       | B304  |
| 13  | A2-077 | 23612089 | Nguyễn Anh        | Quốc   | 20/05/2005 | Nam       | TP. HCM    | A2       | B304  |
| 14  | A2-078 | 23612040 | Trần Thị Kim      | Quy    | 15/02/2005 | Nữ        | Ninh Thuận | A2       | B304  |
| 15  | A2-079 | 22641235 | Lê Nguyễn Vũ      | Quyên  | 26/07/2004 | Nữ        | Bình Định  | A2       | B304  |
| 16  | A2-080 | 21641503 | Lê Thị Bảo        | Quyên  | 01/09/2003 | Nữ        | Lâm Đồng   | A2       | B304  |
| 17  | A2-081 | 22631358 | Phương Ngọc Như   | Quỳnh  | 28/07/2004 | Nữ        | Bình Thuận | A2       | B304  |
| 18  | A2-082 | 23611003 | Trần Thanh        | Sang   | 17/02/2003 | Nam       | Tây Ninh   | A2       | B304  |
| 19  | A2-083 | 22681041 | Hồ Hoàng          | Son    | 16/05/2004 | Nam       | Tiền Giang | A2       | B304  |
| 20  | A2-084 | 22635040 | Trần Thái         | Son    | 27/04/2004 | Nam       | TP. HCM    | A2       | B304  |
| 21  | A2-085 | 20641689 | Lê Nguyễn Văn     | Tài    | 19/03/2002 | Nam       | TP. HCM    | A2       | B304  |
| 22  | A2-086 | 20641851 | Trương Phúc       | Tài    | 25/06/2002 | Nam       | Sóc Trăng  | A2       | B304  |
| 23  | A2-087 | 22635038 | Nguyễn Văn        | Tâm    | 05/12/2004 | Nam       | TP. HCM    | A2       | B304  |
| 24  | A2-088 | 21641029 | Lê Quốc           | Thắng  | 02/06/2001 | Nam       | TP. HCM    | A2       | B304  |
| 25  | A2-089 | 23600073 | Nguyễn Chí        | Thanh  | 21/01/2004 | Nam       | Bến Tre    | A2       | B304  |
| 26  | A2-090 | 20611144 | Nguyễn Thị Phương | Thanh  | 04/10/2002 | Nữ        | Đồng Nai   | A2       | B304  |
| 27  | A2-091 | 23631123 | Lê Thị Ngọc       | Thảo   | 10/10/2005 | Nữ        | TP. HCM    | A2       | B304  |
| 28  | A2-092 | 23631311 | Nguyễn Thị Minh   | Thi    | 25/05/2005 | Nữ        | Bình Phước | A2       | B304  |
| 29  | A2-093 | 23600093 | Trương Công       | Thiện  | 08/06/2005 | Nam       | Long An    | A2       | B304  |
| 30  | A2-094 | 22641225 | Vưu Huyền         | Thoại  | 15/12/2004 | Nữ        | Cà Mau     | A2       | B304  |
| 31  | A2-095 | 22681009 | Nguyễn Phước      | Thời   | 29/09/2004 | Nam       | Đắk Nông   | A2       | B304  |
| 32  | A2-096 | 22611029 | Châu Hà Anh       | Thư    | 21/03/2003 | Nữ        | TP. HCM    | A2       | B304  |

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.

Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ**  
**NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH**  
**Khóa thi: 15/6/2025 - Thời gian: 07 g 30**

| STT | SBD    | MSSV     | Họ                  | Tên    | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh     | Trình độ | Phòng |
|-----|--------|----------|---------------------|--------|------------|-----------|--------------|----------|-------|
| 01  | A2-097 | 22611039 | Huỳnh Ngọc Anh      | Thư    | 08/12/2003 | Nữ        | Cần Thơ      | A2       | B306  |
| 02  | A2-098 | 20641907 | Lê Huỳnh Anh        | Thư    | 08/06/2002 | Nữ        | Tiền Giang   | A2       | B306  |
| 03  | A2-099 | 22631034 | Lê Phạm Minh        | Thư    | 03/01/2003 | Nữ        | Bến Tre      | A2       | B306  |
| 04  | A2-100 | 23635067 | Nguyễn Minh         | Thư    | 15/08/2005 | Nữ        | TP. HCM      | A2       | B306  |
| 05  | A2-101 | 24641177 | Trần Thị Anh        | Thư    | 15/03/2005 | Nữ        | Đồng Tháp    | A2       | B306  |
| 06  | A2-102 | 22631294 | Diệp Minh           | Thuận  | 11/07/2004 | Nam       | Bình Thuận   | A2       | B306  |
| 07  | A2-103 | 22631334 | Dương Minh          | Thức   | 01/01/2004 | Nam       | Bình Định    | A2       | B306  |
| 08  | A2-104 | 23611080 | Dương Ngọc Thanh    | Thùy   | 06/10/2005 | Nữ        | TP. HCM      | A2       | B306  |
| 09  | A2-105 | 21631221 | Nguyễn Thu          | Thủy   | 13/04/2003 | Nữ        | TP. HCM      | A2       | B306  |
| 10  | A2-106 | 22681040 | Thị                 | Thúy   | 20/09/2004 | Nữ        | Đồng Nai     | A2       | B306  |
| 11  | A2-107 | 23641300 | Phan                | Ti     | 10/07/2004 | Nam       | Bình Định    | A2       | B306  |
| 12  | A2-108 | 23661093 | Lê Trung            | Tiến   | 22/05/2005 | Nam       | TP. HCM      | A2       | B306  |
| 13  | A2-109 | 19641323 | Nguyễn Quốc         | Toàn   | 10/09/2001 | Nam       | à Rịa-Vũng T | A2       | B306  |
| 14  | A2-110 | 23600217 | Trần Thị            | Trâm   | 01/08/2005 | Nữ        | Đồng Tháp    | A2       | B306  |
| 15  | A2-111 | 23600122 | Nguyễn Thị Diễm     | Trân   | 06/08/2001 | Nữ        | Bến Tre      | A2       | B306  |
| 16  | A2-112 | 22635005 | Trần Thị Bảo        | Trân   | 14/03/1998 | Nữ        | Bến Tre      | A2       | B306  |
| 17  | A2-113 | 22681019 | Nguyễn Phương Thanh | Trân   | 24/01/2002 | Nữ        | Bình Thuận   | A2       | B306  |
| 18  | A2-114 | 23641352 | Dương Thị Thu       | Trang  | 25/01/2005 | Nữ        | TP. HCM      | A2       | B306  |
| 19  | A2-115 | 23641338 | Lương Thị Thuý      | Trang  | 27/07/2005 | Nữ        | TP. HCM      | A2       | B306  |
| 20  | A2-116 | 23611097 | Lê Thị Hoàng        | Trinh  | 18/08/2005 | Nữ        | Tiền Giang   | A2       | B306  |
| 21  | A2-117 | 22635021 | Nguyễn Đức          | Trọng  | 19/09/2003 | Nam       | Bình Phước   | A2       | B306  |
| 22  | A2-118 | 23635170 | Đặng Duy            | Trường | 07/03/2004 | Nam       | TP. HCM      | A2       | B306  |
| 23  | A2-119 | 23682092 | Nguyễn Thị Cẩm      | Tú     | 20/03/2005 | Nữ        | Bình Định    | A2       | B306  |
| 24  | A2-120 | 22661007 | Hoàng Huỳnh Xuân    | Tuấn   | 16/07/1999 | Nam       | TP. HCM      | A2       | B306  |
| 25  | A2-121 | 23611007 | Lê Hoàn             | Tuấn   | 09/04/2004 | Nam       | Phú Yên      | A2       | B306  |
| 26  | A2-122 | 22641086 | Phạm Nguyễn Anh     | Tuấn   | 24/04/2004 | Nam       | Cà Mau       | A2       | B306  |
| 27  | A2-123 | 23631088 | Lâm Thanh           | Tuyền  | 13/12/2005 | Nữ        | Long An      | A2       | B306  |
| 28  | A2-124 | 23641220 | Đặng Thảo           | Vy     | 31/08/2005 | Nữ        | TP. HCM      | A2       | B306  |
| 29  | A2-125 | 22641136 | Trần Nguyễn Tường   | Vy     | 20/09/2004 | Nữ        | Long An      | A2       | B306  |
| 30  | A2-126 | 23641337 | Trần Thảo           | Vy     | 05/02/2005 | Nữ        | TP. HCM      | A2       | B306  |
| 31  | A2-127 | 23631248 | Nguyễn Thị Hải      | Yến    | 11/08/2008 | Nữ        | Long An      | A2       | B306  |

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.  
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ**  
**NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH**  
**Khóa thi: 15/6/2025 - Thời gian: 07 g 30**

| STT                                        | SBD   | MSSV     | Họ                | Tên   | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh   | Trình độ | Phòng |
|--------------------------------------------|-------|----------|-------------------|-------|------------|-----------|------------|----------|-------|
| <b>Tiếng Anh - Trình độ tương đương B1</b> |       |          |                   |       |            |           |            |          |       |
| 01                                         | B1-01 | 22613231 | Lâm Phong         | An    | 12/09/2004 | Nam       | TP. HCM    | B1       | B308  |
| 02                                         | B1-02 | 22641126 | Nguyễn Thái       | Bảo   | 10/12/2004 | Nam       | Hậu Giang  | B1       | B308  |
| 03                                         | B1-03 | 22613131 | Nguyễn Hữu        | Duy   | 24/06/2004 | Nam       | Tiền Giang | B1       | B308  |
| 04                                         | B1-04 | 23613017 | Huỳnh Huy         | Hiệp  | 29/10/1998 | Nam       | TP. HCM    | B1       | B308  |
| 05                                         | B1-05 | 23613076 | Phan Nguyễn Phụng | Hiệp  | 01/10/2005 | Nữ        | TP. HCM    | B1       | B308  |
| 06                                         | B1-06 | 23661078 | Trần Trọng        | Hiếu  | 15/03/2005 | Nam       | Long An    | B1       | B308  |
| 07                                         | B1-07 | 23600148 | Võ Trần           | Khánh | 01/03/2004 | Nam       | Đắk Nông   | B1       | B308  |
| 08                                         | B1-08 | 23661051 | Nguyễn Thị Ánh    | Kim   | 21/05/2005 | Nữ        | Bạc Liêu   | B1       | B308  |
| 09                                         | B1-09 | 21612036 | Phan Ngọc         | Ngân  | 08/04/2003 | Nữ        | Bình Định  | B1       | B308  |
| 10                                         | B1-10 | 23613066 | Đặng Thị Huỳnh    | Như   | 17/05/2005 | Nữ        | Tiền Giang | B1       | B308  |
| 11                                         | B1-11 | 23661035 | Nguyễn Hữu        | Phúc  | 17/11/2005 | Nam       | TP. HCM    | B1       | B308  |
| 12                                         | B1-12 | 22613102 | Nguyễn Thị Lan    | Trinh | 22/09/2004 | Nữ        | Long An    | B1       | B308  |
| 13                                         | B1-13 | 23613148 | Nguyễn Hữu        | Vinh  | 17/11/2005 | Nam       | TP. HCM    | B1       | B308  |
| 14                                         | B1-14 | 24613074 | Huỳnh Anh         | Vũ    | 30/07/2006 | Nam       | Bình Định  | B1       | B308  |
| <b>Tiếng Anh - Trình độ tương đương B2</b> |       |          |                   |       |            |           |            |          |       |
| 15                                         | B2-01 | 23641034 | Trần Thị Bảo      | Ngân  | 23/02/1998 | Nữ        | TP. HCM    | B2       | B308  |
| 16                                         | B2-02 | 21621147 | Văn Ngọc Xuân     | Tân   | 10/11/2003 | Nam       | Đồng Nai   | B2       | B308  |
| 17                                         | B2-03 | 22621148 | Lê Thị            | Thắm  | 26/06/2004 | Nữ        | Kiên Giang | B2       | B308  |
| 18                                         | B2-04 | 21621015 | Nông Đức          | Tín   | 30/09/2000 | Nam       | Đắk Lắk    | B2       | B308  |
| 19                                         | B2-05 | 20621064 | Nguyễn Hoàng Thu  | Uyên  | 16/02/2001 | Nữ        | Thái Bình  | B2       | B308  |
| 20                                         | B2-06 | 22621112 | Nguyễn Thị Mỹ     | Vân   | 25/10/2003 | Nữ        | Bình Thuận | B2       | B308  |
| 21                                         | B2-07 | 22621012 | Huỳnh Thuý        | Vy    | 25/10/2003 | Nữ        | Bến Tre    | B2       | B308  |

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.  
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.